

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/HS-ST
Ngày 04-01-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Xuân Hiền**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Thị Thùy Liễu** và ông **Đào Duy Ngọc**.

Thư ký Tòa án: Bà **Mai Hương Sen** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Minh Đức** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 259/2017/TLST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 263/2017/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo:

Đặng Thanh T, sinh năm 1990 tại Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Y; bị cáo chưa có vợ con; tiền sự: Không; bị cáo có 3 tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 123 ngày 09/7/2010, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xử phạt 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (giá trị tài sản 8.250.000đ; bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/02/2011; nộp án phí ngày 23/9/2010); Bản án hình sự sơ thẩm số 293 ngày 17/11/2011, Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xử phạt 32 tháng tù về tội “Mua bán người” (thực hiện hành vi phạm tội ngày 19/7/2011; bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/11/2013; nộp án phí ngày 17/02/2012). Bản án hình sự sơ thẩm số 36 ngày 29/7/2015, Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xử phạt 25 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (thực hiện hành vi phạm tội ngày 18/3/2015; chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/5/2017); bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 11/10/2017; bị tạm giữ từ ngày 11/10/2017 chuyển tạm giam tại trại tạm giam Kim Chi-Công an Hải Dương từ ngày 13/10/2017 đến nay. *(bị cáo có mặt tại phiên tòa).*

- Bị hại: Anh Trần Ngọc M, sinh năm 1997; HKTT: T, T, Hải Dương; hiện trú tại: Khu 6, phường T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương *(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vắng mặt tại phiên tòa).*

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Anh Nguyễn Khắc T, sinh năm 1994 và chị Dương Thị T, sinh năm 1970; đều trú tại: 368 N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương (*vắng mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản cáo trạng số 02/VKS-HS ngày 12/12/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương truy tố Đặng Thanh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự với căn cứ: Khoảng 15h30’ ngày 08/10/2017, Đặng Thanh T dùng điện thoại của bạn gái T tên là Đặng Thị V, HKTT: Trung Hà-Chiêm Hóa-Tuyên Quang, gọi điện thoại đến số 0220.3836.836 của hãng taxi Thành Đông yêu cầu 01 xe taxi đến đón T tại nhà nghỉ Nam Phát thuộc phường H, thành phố Hải Dương. Sau đó anh Trần Ngọc M điều khiển xe Hyundai, biển số 34A-194.86 đến đón T và chở T đến khu vực cầu Bình thuộc huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương để giải quyết công việc theo yêu cầu của T. Sau đó, T bảo M chở về thành phố Hải Dương. Do không có tiền trả cước phí taxi đồng thời phát hiện anh M có 01 chiếc điện thoại Samsung A7 để ở học đồng hồ trước vô lăng, T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt cước taxi và chiếc điện thoại của anh M. Lúc này, T nghĩ đến nhà một người bạn của T tên là Phạm Văn H ở thôn T, xã T, thành phố Hải Dương có 02 lối vào ra hai đường khác nhau, nên nghĩ ra cách dẫn anh M đến nhà H mục đích giả vờ mượn điện thoại của M rồi chiếm đoạt. Sau đó, T chỉ đường cho M đi đến nhà H, khi đến đầu ngõ nhà H, T bảo M đỗ xe đợi ngoài đường để T đi vào nhà tìm bạn. Khi T đi vào sân nhà H thì gặp mẹ H là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966 đang xúc thóc ở sân, thấy T vào, bà H nói: “thằng H nó không có nhà đâu mà tìm”. T quay ra chỗ anh M nói dối “máy em hết tiền, anh cho em mượn điện thoại gọi hộ em số máy này”, M đồng ý lấy điện thoại Samsung A7 đưa cho T mượn. Sau đó, T giả vờ vừa nghe điện thoại vừa đi vào sân sau nhà H và theo lối thông từ sân nhà H ra lối khác rồi bỏ trốn. Một lúc sau, không thấy T quay ra, anh M đi vào nhà H tìm thì được bà H cho biết T đã bỏ đi, lúc này anh M biết mình đã bị T chiếm đoạt chiếc điện thoại Samsung A7 và tiền cước taxi là 350.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được chiếc điện thoại trên, T đến cửa hàng điện thoại của bà Dương Thị T, sinh năm 1970 ở 368 N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương bán được số tiền 5.000.000 đồng. Số tiền này T đã tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua chiếc điện thoại trên, bà T đã bán cho khách hàng không rõ tên tuổi, địa chỉ nên không thu giữ được.

Tại kết luận định giá tài sản số 227/KL-HĐĐG ngày 23/11/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND thành phố Hải Dương kết luận: Giá trị của một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy A7 là 8.991.000đ; phí làm lại một Sim mạng Viettel là 20.000đ. Tổng là 9.011.000đ (*chín triệu không trăm mười một nghìn đồng*).

Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Thanh T thừa nhận bản thân chính là người thực hiện hành vi dùng thủ đoạn gian dối bằng cách hỏi mượn điện thoại di động để gọi cho bạn rồi chiếm đoạt của anh Trần Ngọc M một chiếc điện thoại di

động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy A7 kèm thẻ SIM trị giá 9.011.000đ và dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt cước phí taxi của anh Mạnh là 350.000đ; bị cáo nhất trí với kết luận định giá tài sản không có thắc mắc gì; đồng thời thể hiện thái độ ăn năn hối cải; xác định bản thân đã tái phạm nay lại phạm tội mới do cố ý nên Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương đã truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm tài sản” theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự là đúng; bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Người bị hại anh Trần Ngọc Mạnh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Mạnh yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị chiếc điện thoại, phí làm lại thẻ SIM và tiền cước taxi với tổng số tiền là 9.361.000đ; đề nghị xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa trình bày quan điểm vẫn giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Thanh T phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt chính: Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 139; điểm g (gây thiệt hại không lớn), điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm d Khoản 2 Điều 174; điểm h, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Đặng Thanh T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 11/10/2017.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự 1999 (nay là Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017); các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự: Buộc bị cáo Đặng Thanh T phải có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại anh Trần Ngọc Mạnh, sinh năm 1997; HKTT: Thanh Xá, Thanh Hà, Hải Dương; hiện trú tại: Khu 6, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương giá trị chiếc điện thoại Samsung Galaxy A7, chi phí cấp lại SIM là 9.011.000đ và hoàn trả cước phí taxi là 350.000đ. Tổng là 9.361.000đ (*chín triệu ba trăm sáu mươi một nghìn đồng*).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động Nokia và một đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Longines dây kim loại màu vàng nhưng cho tạm quản lý để đảm bảo thi hành án. Tịch thu cho tiêu hủy một SIM số 01675281770 số seri có các số cuối là 0899304.

Tiếp tục quản lý tại hồ sơ một chiếc USB lưu hình ảnh camera.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Đặng Thanh T phải chịu án phí sơ thẩm hình sự và án phí dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về chứng cứ xác định bị cáo Đặng Thanh T có tội:

Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Thanh T thừa nhận vào chiều ngày 08/10/2017 bản thân là người trực tiếp thực hiện hành vi dùng thủ đoạn gian dối bằng cách hỏi mượn điện thoại di động để gọi cho bạn rồi chiếm đoạt của anh Trần Ngọc M một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy A7 kèm thẻ SIM theo kết luận định giá trị giá 9.011.000đ và dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt cước phí taxi của anh Mạnh là 350.000đ tại khu vực thôn T, xã T, thành phố Hải Dương. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với sự việc theo đơn trình báo của anh Trần Ngọc M (BL26), phù hợp với biên bản quản lý hình ảnh ghi lại từ camera nhà chị Dương Thị T ở 368 N, thị trấn G, huyện G (BL24), phù hợp với biên bản nhận dạng và bản ảnh nhận dạng (BL38,39,45,46,52,53). Các chứng cứ nêu trên phù hợp với các chứng cứ khác như: Biên bản làm việc; biên bản xác minh; bản tự khai của bị cáo, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo, biên bản lấy lời khai người bị hại, người làm chứng đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Từ những chứng cứ nêu trên, có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy kèm thẻ SIM và dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt cước phí taxi với lỗi cố ý, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của anh Trần Ngọc M. Với tổng giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt là 9.361.000đ nhưng bị cáo phạm tội trong trường hợp đã tái phạm nguy hiểm chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội mới do cố ý nên bị cáo Đặng Thanh T bị Viện kiểm sát truy tố và bị đưa ra xét xử về tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự là đủ căn cứ, đúng người thực hiện hành vi phạm tội và đúng pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bản thân bị cáo có 3 tiền án đều chưa được xóa, bị truy tố và đưa ra xét xử theo tình tiết định khung tái phạm nguy hiểm trong khi giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt dưới mức định lượng quy định tại Khoản 2 Điều 139 nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn” quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Mặt khác, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên áp dụng thêm cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Do bị cáo là người có nhân thân xấu, phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù có thời hạn tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy A7 kèm thẻ SIM theo kết luận định giá trị giá 9.011.000đ và cước phí taxi của anh M là 350.000đ. Anh M có yêu cầu bồi thường giá trị bằng tiền nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho anh M toàn bộ số tiền này.

Về xử lý vật chứng: Chiếc điện thoại di động Nokia và một đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Longines dây kim loại màu vàng là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội do vậy cần tuyên trả lại cho bị cáo để sử dụng. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo đồng ý cho tạm quản lý để đảm bảo cho việc bồi thường nên cần tạm quản lý các tài sản này để đảm bảo thi hành án. Đối với một SIM số 01675281770 số seri có các số cuối là 0899304 bị cáo không lấy lại và do không còn giá trị sử dụng nên tịch thu cho tiêu hủy. Đối với 01 USB cơ quan điều tra lưu giữ hình ảnh camera là tài liệu có trong hồ sơ nên tiếp tục cho quản lý tại hồ sơ.

Về án phí: Bị cáo có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo phải bồi thường nên phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Căn cứ đơn trình báo của bị hại anh Trần Ngọc M (BL26); nghi vấn đối tượng từ hình ảnh lưu giữ tại camera nhà chị Dương Thị T (BL24); biên bản nhận dạng, bản ảnh nhận dạng và sự thừa nhận về hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo tại biên bản làm việc, xác định đủ yếu tố cấu thành tội phạm, đến ngày 13/10/2017 cơ quan cảnh sát điều tra đã Quyết định khởi tố vụ án đồng thời khởi tố bị can đối với Đặng Thanh T và tiến hành hoạt động điều tra lấy lời khai, hỏi cung bị can, lấy lời khai người bị hại và người làm chứng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về các vấn đề khác: Hành vi mua chiếc điện thoại của chị Dương Thị T nhưng chị T không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có. Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm của chị T là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm c Khoản 2 Điều 139; điểm g (phạm tội gây thiệt hại không lớn), điểm p Khoản 1 Điều 46; Khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Khoản 3 Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Thanh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Đặng Thanh T **36** (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt, ngày 11/10/2017.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đặng Thanh T phải có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại anh Trần Ngọc M, sinh năm 1997; HKTT: T, T, Hải Dương; hiện trú tại: Khu 6, phường T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương giá trị chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy A7, chi phí làm lại thẻ SIM là 9.011.000đ và cước phí taxi là 350.000đ. Tổng là 9.361.000đ (chín triệu ba trăm sáu mươi một nghìn đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày anh Trần Ngọc M có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền bồi thường nêu trên. Nếu bị cáo chậm thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia Model RM 1035 vỏ màu đen, không nắp mặt sau, số Imei 1: 356490/06/399688/1, số Imei 2: 356490/06/399688/9 và một đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Longines dây kim loại màu vàng, mặt đáy có số 66815 nhưng cho tạm quản lý để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu cho tiêu hủy một SIM số 01675281770 số seri có các số cuối là 0899304.

(Tất cả vật chứng trên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/12/2017 giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Hải Dương và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương).

5. Về án phí: Buộc bị cáo Đặng Thanh T phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự và phải chịu 468.000đ án phí dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Đặng Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại anh Trần Ngọc Mạnh có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lê Xuân Hiền